

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/DS-PT
Ngày 22 – 11 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vũ.

Bà Trương Tô Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 188/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp T, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bào Tấn Đ, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh Hậu Giang (*Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2018*). Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp C, xã D, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

- Người làm chứng: Bà Lý Thị G, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp K, xã N, huyện R, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

- Người kháng cáo: Bà Trịnh Thị A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bảo Tấn Đ trình bày:

Vào ngày 30/6/2016 (Dương lịch), bà Trịnh Thị A vay của bà Nguyễn Thị P số tiền 413.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thỏa thuận trả tiền lãi vào ngày 30 (dương lịch) mỗi tháng, vay không thời hạn. Hai bên lập văn bản “Đơn vay mượn tiền” bằng chữ viết tay, do bà P viết, bà A có đọc lại và đồng ý với nội dung theo giấy thỏa thuận, bà A ký tên và viết họ tên vào văn bản này.

Nhưng sau đó bà A không trả tiền lãi, bà P đã nhiều lần yêu cầu bà A trả nhưng bà A luôn tìm cách né tránh, đến nay bà A vẫn không trả tiền lãi và tiền vốn vay cho bà P.

Tại phiên tòa, Ông Đ vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện của bà P là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A phải trả cho bà P số tiền vốn vay là 413.000.000 đồng (Bốn trăm mười ba triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/6/2016 đến ngày 06/9/2018 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Trong biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Thị A trình bày:

Vào khoảng năm 2015 bà P bán heo cho bà Lý Thị G với số tiền khoảng 20.000.000 đồng, nhưng bà G không có tiền trả cho bà P. Đến năm 2016 bà A, bà P và bà G gặp nhau tại nhà của bà G, lúc đó bà P đòi tiền bà G. Bà P kêu bà A ký tên làm chứng việc bà G còn thiếu tiền bà P; bà A đồng ý nên ký tên làm chứng, chữ ký và chữ viết Trịnh Thị A trong “Đơn vay mượn tiền” do bà P cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của bà A, nhưng lúc bà ký và viết họ tên thì đó là một tờ giấy tập học sinh không có ghi nội dung.

Từ trước đến nay bà không có vay hay mượn tiền của bà P, nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà P.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS - ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Trịnh Thị A phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P tổng cộng số tiền là 579.828.423 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng), trong đó bao gồm:

Tiền vốn vay là 413.000.000 đồng (*Bốn trăm mười ba triệu đồng*).

Tiền lãi tính từ ngày 30/6/2016 đến ngày 06/9/2018 là 166.828.423 đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về lãi suất chậm thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2018, bà Trịnh Thị A kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bà trả số tiền 413.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bào Tấn Đ không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Trịnh Thị A giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*HĐXX*) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Bào Tấn Đ tham gia phiên tòa, nên *HĐXX* căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị A là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị A về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bà trả số tiền 413.000.000 đồng. Thấy rằng, khi khởi kiện bà Nguyễn Thị P có cung cấp “*Đơn vay mượn tiền*” ghi ngày 30/6/2016, bà P và bà Trịnh Thị A đều thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên Trịnh Thị A trong đơn vay mượn tiền là chữ ký và chữ viết của bà A. Đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định

tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, HĐXX xác định bà A có ký tên và viết họ tên của bà A vào đơn vay mượn tiền đề ngày 30/6/2016 do bà P cung cấp.

[4] Theo bà A cho rằng vào khoảng năm 2015, bà P có bán heo cho bà Lý Thị G với số tiền khoảng 20.000.000 đồng, nhưng bà G không có tiền trả cho bà P, đến năm 2016 bà A và bà P gặp nhau tại nhà bà G, lúc đó bà P đòi tiền bà G, bà P kêu bà ký tên làm chứng việc bà G còn thiếu tiền bà P, bà đồng ý ký tên làm chứng chứ bà không có vay tiền của bà P; lúc ký tên thì không có nội dung do bà P viết sau. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà A về quyền yêu cầu giám định thời gian nội dung ghi bà A có vay mượn tiền của bà P tổng cộng 413.000.000 đồng (*Nội dung phía trên chữ ký Ấn và họ tên Trịnh Thị A*) có phải viết ra cùng lúc hay viết sau khi ký và viết họ tên Trịnh Thị A thì bà A kiên quyết không yêu cầu giám định. Trong khi đó, tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng bà G xác định vào ngày 25/12/2016 (*Ấm lịch*) bà, bà P, bà A gặp nhau tại nhà bà, lúc đó bà thiếu nợ bà P số tiền là 17.000.000 đồng, bà P không có kêu bà A làm chứng việc bà thiếu tiền bà P và bà cũng không thấy bà A ký tên vào tờ giấy tập học sinh do bà P đưa ra mà không ghi nội dung gì cả. Do đó, việc bà A cho rằng bà chỉ ký làm chứng việc bà G thiếu tiền bà P là không có cơ sở. Bên cạnh đó, theo “*Đơn vay mượn tiền*” ngày 30/6/2016 có ghi: Tôi Trịnh Thị A có vay mượn số tiền của chị Nguyễn Thị P tổng cộng 413.000.000 đồng (*Bốn trăm mười ba triệu đồng*) vào ngày 30/6/2016, lãi suất 04 lai, tôi hứa đóng lãi hàng tháng đúng hẹn, nếu sai lời hứa tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Như vậy, theo phân tích ở mục [3] nêu trên thì chữ ký Ấn và chữ viết tên Trịnh Thị A là do bà A ký và viết, bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh nội dung trong đơn vay mượn tiền là do bà P viết sau, nên bà A phải chịu trách nhiệm đối với số tiền trong đơn vay mượn tiền nêu trên. Vì vậy, HĐXX xác định bà A có vay của bà P số tiền là 413.000.000 đồng, đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, nhưng đến nay bà A vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và tiền lãi cho bà P là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vốn 413.000.000 đồng và tiền lãi 166.828.423 đồng là có cơ sở, nên kháng cáo của bà A là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà P chỉ yêu cầu bà A trả số tiền vốn và tiền lãi như cấp sơ thẩm đã tuyên xử, không yêu cầu chồng bà A cùng thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn và tiền lãi cho bà P, nên HĐXX phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[6] Do kháng cáo của bà A không được chấp nhận và bản án dân sự sơ thẩm vẫn được giữ nguyên, nên bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị A và đề nghị HĐXX áp dụng

khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị A.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Buộc bị đơn bà Trịnh Thị A phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P số tiền vốn vay là 413.000.000 đồng và tiền lãi là 166.828.423 đồng; tổng cộng là 579.828.423 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trịnh Thị A còn phải trả lãi cho bà P theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị A phải chịu 27.193.136 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn một trăm ba mươi sáu đồng). Trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền nộp tạm ứng án phí là 13.276.552 đồng (Mười ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0000010 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh Thị A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003514 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Xem như bà A nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn